

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09-NQ/TU); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU trên địa bàn tỉnh với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai nghiêm túc, kịp thời và hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các văn bản liên quan, nhằm thống nhất nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác giáo dục.

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản của chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các văn bản liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo.

3. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU phải bảo đảm nghiêm túc, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng; bảo đảm các nguồn lực để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ đã được đề ra.

II. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu chung**

Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, kết hợp hài hòa giữa truyền thống hiếu học và tinh hoa tri thức nhân loại. Tập trung phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực và kỹ năng hội nhập, nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI). Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục

vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động. Duy trì, khẳng định thứ hạng, vị thế, chất lượng giáo dục Ninh Bình trong nhóm dẫn đầu cả nước, góp phần đưa tỉnh trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về chất lượng giáo dục và đào tạo

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; từ 85% trở lên người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương trên địa bàn tỉnh. Phần đầu duy trì trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chất lượng thi tốt nghiệp trung học phổ thông và nhóm 7 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về số lượng hoặc tỷ lệ đạt giải thi chọn học sinh giỏi quốc gia. Phần đầu hàng năm có học sinh đạt giải quốc tế hoặc khu vực châu Á.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 82%, trong đó 40% có trình độ cao đẳng - trung cấp nghề trở lên; trên 85% học viên tốt nghiệp có việc làm đúng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của tỉnh.

- Phần đầu có trên 90% xã, phường được công nhận cộng đồng học tập cấp xã và tỉnh Ninh Bình được công nhận đạt cộng đồng học tập cấp tỉnh.

- 100% học sinh, sinh viên được tham gia đa dạng hoạt động trải nghiệm, thực hành, rèn luyện thực tiễn gắn với giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, hướng nghiệp, kỹ năng mềm.

- Có mô hình giáo dục đạo đức, lối sống, các thiết chế văn hóa học đường phù hợp với từng cấp học; có chương trình, định hướng để nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

2.2. Về đội ngũ

- Phần đầu bảo đảm tỷ lệ giáo viên/nhóm, lớp ở các cấp học đạt mức tối đa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 100% giáo viên các cấp có trình độ đào tạo đạt chuẩn; phần đầu tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 33%.

- Phần đầu ít nhất 40% giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ. Phần đầu 100% giảng viên, giáo viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn trình độ đào tạo; 30% có trình độ sau đại học, 15% có kỹ năng nghề bậc cao; 80% giảng viên được bồi dưỡng về chuyên đổi số, công nghệ mới và phương pháp dạy học hiện đại.

2.3. Về cơ sở hạ tầng và nguồn lực đầu tư

- Phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 96% trở lên, tiểu học (mức độ 2) đạt 82% trở lên, trung học cơ sở đạt 100%, trung học phổ thông đạt 100%, giáo dục đại học đạt 100% và cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt 80%; xây dựng 01 trường cao đẳng chất lượng cao, 01 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Quy hoạch, mở rộng diện tích cho các trường mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, phân đầu: bảo đảm cấp mầm non 15 m²/trẻ em, cấp phổ thông và giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên 12 m²/học sinh, học viên đối với các trường trên địa bàn phường; bảo đảm 20 m²/trẻ em, học sinh, học viên đối với các trường trên địa bàn xã. Phân đầu đến năm 2030, diện tích bình quân mỗi trường mầm non, phổ thông đạt 1,35 ha; quy hoạch, bố trí quỹ đất để di chuyển hoặc xây dựng mới từ 3-5 trường mỗi cấp học tại các vị trí phù hợp, với quy mô 3-10 ha/trường, nhằm hình thành các trường tiêu biểu, trọng điểm cấp quốc gia và khu vực.

Xây dựng Khu Đại học Nam Cao thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tầm quốc gia, khu vực; phát triển các trường đại học thuộc tỉnh thành đại học đa ngành, đạt chuẩn quốc gia. Ngoài Khu Đại học Nam Cao, thu hút thêm 3 - 5 trường đại học đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh ở những vị trí, địa bàn phù hợp.

- Bố trí kinh phí cho giáo dục và đào tạo bảo đảm tối thiểu 23% tổng chi ngân sách và cao hơn mức trung bình của cả nước, đồng thời cao hơn so với tiêu chuẩn, tiêu chí của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

2.4. Về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

Phân đầu 90% cơ sở giáo dục đạt mức độ chuyển đổi số ở mức độ 3, còn lại đạt ở mức độ 2; 100% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp triển khai nội dung giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Hoàn thiện việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục; xây dựng thêm một số trường trung học phổ thông ở khu vực phù hợp; phân đầu bảo đảm diện tích bình quân mỗi trường học của tỉnh đạt 1,6 ha; hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương; phân đầu hoàn thành trước năm 2035.

- Ninh Bình trở thành trung tâm giáo dục chất lượng cao của vùng Đồng bằng sông Hồng, đạt trình độ tiên tiến khu vực và quốc tế. 100% học sinh tốt

nghiệp trung học phổ thông có đủ năng lực số, năng lực tiếng Anh và kỹ năng làm việc trong môi trường toàn cầu. Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Phần đầu mỗi cấp học tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục đại học/cao đẳng trên địa bàn tỉnh có ít nhất 01 trường có cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục theo chuẩn quốc tế. Phần đầu bảo đảm diện tích bình quân mỗi trường học của tỉnh đạt 1,8 ha.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong việc phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng lâu dài, bền vững

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân đối với xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng xã hội học tập đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Cấp ủy trong các cơ sở giáo dục phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân về tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.

- Nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân về phát triển giáo dục và đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức của đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh về đổi mới tư duy quản lý, đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, phát triển mô hình, phương pháp giáo dục hiện đại, tích cực.

2. Xây dựng, thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đặc thù, ưu tiên cho phát triển giáo dục và đào tạo

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội theo Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về phát triển nguồn nhân lực ngành giáo dục; rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, ưu tiên bố trí ngân sách thực hiện các chế độ, chính sách thúc đẩy phát triển giáo dục và đào tạo như: thu hút người tài, nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại tỉnh; khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh; có chính sách ưu đãi, hỗ trợ người dân Ninh Bình học tập tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ học nghề cho thanh niên, lao động

nông thôn, người nghèo, đối tượng chính sách, thúc đẩy học tập suốt đời và chuyển đổi nghề; xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh thu hút các nguồn lực tư nhân đầu tư xây dựng, phát triển trường tư thục trên địa bàn tỉnh...

- Xây dựng và triển khai “Đề án xây dựng mô hình trường trung học cơ sở điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2045” để làm hạt nhân lan tỏa chất lượng giáo dục trong toàn tỉnh.

- Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính, phân bổ, đầu tư cho giáo dục và đào tạo; chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh bảo đảm tối thiểu 23% tổng chi ngân sách và cao hơn mức tối thiểu của cả nước.

- Nghiên cứu, đề xuất chủ trương thu hút, chuyển các trường đại học có uy tín, thương hiệu về tỉnh Ninh Bình là cơ sở đào tạo chính thức, không dừng lại ở mô hình, phân hiệu; qua đó tạo đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển nghiên cứu khoa học, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thu hút nhân tài.

- Đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy bên trong cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, khuyến khích đổi mới sáng tạo; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục, đào tạo.

3. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

- Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập; ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

- Rà soát, xem xét quy mô các trường nhỏ để thực hiện sáp nhập thành trường có quy mô lớn hơn hoặc thành trường liên cấp đảm bảo các tiêu chuẩn; sắp xếp, hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục đảm bảo cân đối, hợp lý giữa quy mô và cơ cấu, giữa các loại hình, vùng miền, cấp học; bảo đảm đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục ở các cấp học; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế; tiếp tục phát triển các mô hình mới như: trường học số, trường học thông minh...

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

- Sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tránh chồng chéo ngành nghề. Quan tâm hệ thống các trường đại học, trong đó có Khu Đại học Nam Cao, Trường Đại học Hoa Lư.

4. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo; xây dựng phát triển văn hóa đọc

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để chủ động triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới; tăng cường quản lý và hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới hiệu quả.

- Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá năng lực người học, đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; đẩy mạnh giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEM, STEAM); tăng cường hoạt động trải nghiệm, rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và năng lực tự học cho học sinh, hình thành ý thức học tập suốt đời.

- Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; xây dựng bản lĩnh, ý thức công dân và khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ, khơi dậy tinh thần tự hào, tự tôn, bản sắc đất và con người Ninh Bình. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đặc thù của tỉnh Ninh Bình. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, tổ chức hoạt động thể thao trường học theo hướng hiện đại.

- Xây dựng và phát triển văn hóa đọc, tủ sách lớp học trong các nhà trường; đầu tư chuẩn hóa thư viện trường học và tiếp tục xây dựng, nhân rộng mô hình trường học “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Hạnh phúc”.

- Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông và đào tạo bằng ngoại ngữ một số ngành học đại học; từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo từng giai đoạn, trước mắt là giai đoạn 2026-2030 và chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới.

- Tích cực triển khai thực hiện công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; đổi mới nội dung,

phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ngành giáo dục; phối hợp với các đơn vị, các trường đại học có uy tín, chất lượng thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học. Tăng số lượng giảng viên đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường. Nêu cao tính gương mẫu của đội ngũ nhà giáo. Tôn vinh các nhà giáo tiêu biểu, tạo động lực để nhà giáo yên tâm công tác, cống hiến.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

- Bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo bảo đảm tối thiểu 23% tổng chi ngân sách và cao hơn mức trung bình của cả nước, đồng thời cao hơn so với tiêu chuẩn, tiêu chí của Nghị quyết số 71-NQ/TW. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, phổ cập, miễn học phí, dạy học 2 buổi/ngày, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng nguồn lực hợp pháp cho phát triển giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt.

- Chủ động rà soát nhu cầu và ưu tiên bố trí nguồn lực, quỹ đất cho các dự án giáo dục; xem xét bổ sung các dự án đầu tư công trung hạn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khai thác, sử dụng hiệu quả trụ sở công đôi dư, công trình thuộc sở hữu nhà nước để phục vụ hoạt động giáo dục và đào tạo.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, trong đó quan tâm loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, đầu tư để duy trì và nâng cao chất lượng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; xây dựng và triển khai Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2035. Đầu tư xây dựng các phòng học STEM, Robotics, thực hành, khu trải nghiệm, khu thể dục thể thao... đối với các cấp học.

- Tích cực thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển Trường Đại học Hoa Lư trở thành trường đại học đa ngành, có uy tín trong khu vực, đạt chuẩn quốc gia, có mô hình quản trị tiên tiến, môi trường học thuật sáng tạo, cơ sở vật chất hiện đại; xây dựng Khu Đại học Nam Cao thành trung tâm đào

tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; ngoài Khu Đại học Nam Cao, thu hút thêm 3 - 5 trường đại học về đứng chân trên địa bàn tỉnh ở những vị trí, địa bàn phù hợp, tạo thành mạng lưới đào tạo đồng bộ, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước. Đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho giáo dục nghề nghiệp. Đầu tư xây dựng phòng thực hành, xưởng nghề, trung tâm mô phỏng hiện đại theo chuẩn khu vực, quốc tế.

7. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

- Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, nhất là các xã miền núi, vùng bãi ngang, ven biển, đông dân cư, khu công nghiệp và các đối tượng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

- Chuẩn bị các điều kiện và từng bước triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư. Duy trì, nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ mức độ 2.

- Quan tâm các chế độ, chính sách trợ cấp, ưu đãi khác đối với học sinh, sinh viên là đối tượng chính sách xã hội, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; triển khai mô hình giáo dục từ xa cho học sinh khuyết tật không có điều kiện đến trường dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp với điều kiện của các cơ sở giáo dục.

8. Ngành giáo dục và đào tạo tiên phong trong đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy, học tập

- Xây dựng, triển khai hệ thống Giáo dục thông minh tỉnh Ninh Bình về công tác thi, kiểm tra, đánh giá, quản trị, điều hành, dạy và học trong các cơ sở giáo dục. Đảm bảo nguồn nhân lực, các điều kiện về hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục nhằm triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong giáo dục và đào tạo.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên, giảng viên tham gia nghiên cứu, phát triển sản phẩm khoa học và

ứng dụng vào thực tiễn. Gắn kết nội dung nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo với Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tập trung mọi nguồn lực xây dựng Khu Đại học Nam Cao, Trường Đại học Hoa Lư trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu số dùng chung về giáo dục nghề nghiệp, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động - việc làm; từng bước hình thành mô hình “trường nghề thông minh”, ứng dụng AI, thực tế ảo, mô phỏng 3D trong giảng dạy và kiểm tra kỹ năng nghề. Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, sáng chế kỹ thuật, cải tiến công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường - doanh nghiệp - viện nghiên cứu trong chuyển giao công nghệ và phát triển sản phẩm thực hành.

9. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách của tỉnh, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ mũi nhọn, công nghệ cao, các ngành trọng điểm mà tỉnh có nhu cầu để phát triển.

- Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế mà Việt Nam đã cam kết đối với giáo dục, đào tạo cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (gồm SEA-PLM, PISA, TALIS...).

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục và đào tạo tiên tiến trên thế giới; khuyến khích, thu hút học sinh, sinh viên nước ngoài đến học tập trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề: trao đổi chuyên gia, chương trình chuyển giao công nghệ, đào tạo theo chuẩn quốc tế; phát triển các chương trình liên kết đào tạo với các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp tiên tiến; tham gia mạng lưới kiểm định, chứng nhận kỹ năng nghề ASEAN, tạo điều kiện để lao động tỉnh Ninh Bình có thể làm việc trong môi trường quốc tế...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tuyên truyền, quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tổ chức, đơn vị trực thuộc về nội dung Nghị quyết số

09-NQ/TU và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với tình hình tại cơ quan, địa phương, đơn vị.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về nội dung Nghị quyết số 09-NQ/TU và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân hiểu, thực hiện, bảo đảm quy định.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tham mưu các giải pháp về công tác cán bộ phục vụ phát triển giáo dục; tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan có liên quan; nghiên cứu cơ chế thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ tăng cường kiểm tra, giám sát việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và Kế hoạch này; kiên quyết phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lợi dụng cơ chế, chính sách để chuộc lợi cá nhân, gây thất thoát, lãng phí, tham nhũng tài sản của Nhà nước.

- Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị các điều kiện phục vụ sơ kết, tổng kết và các cuộc làm việc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:

- Xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án triển khai cụ thể, phân kỳ thực hiện theo năm, giai đoạn; phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Các cơ quan chuyên môn, các cấp chính quyền căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị đảm bảo đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, yêu cầu xác định rõ lộ trình thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan đơn vị, đảm bảo đạt được các mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết (*Danh mục nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục gửi kèm*).

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ và chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ các vướng mắc, bảo đảm đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách, bảo đảm nguồn lực, thu hút nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; kịp thời tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến công tác xây dựng và thi hành pháp luật liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo. Chủ động rà soát các cơ chế, chính sách đã ban hành để nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với quy định mới của pháp luật và tình hình thực tiễn của tỉnh. Tăng cường hoạt động giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật.

5. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng, tham gia thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và Kế hoạch này.

- Phát động phong trào thi đua; tăng cường giám sát, phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án về phát triển giáo dục.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, (để báo cáo)
- Các Ban xây dựng Đảng Trung ương, UBKT Trung ương, Văn phòng Trung ương, (để báo cáo)
- Đảng ủy Bộ GD&ĐT, (để báo cáo)
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đinh Thị Lụa



Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2035; các nhiệm vụ cụ thể:	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý I/2026
1.1	<i>Hướng dẫn công tác quy hoạch đất, xác định vị trí, diện tích và bố trí đất để mở rộng, xây mới trường lớp học; tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, bảo đảm chỉ tiêu sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục công lập trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trung hạn, hằng năm.</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026
1.2	<i>Tổng hợp nhu cầu, tham mưu tình cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện Đề án để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục công lập theo quy định và tình hình thực tế.</i>	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026
1.3	<i>Hướng dẫn công tác quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng các cơ sở giáo dục; thiết kế xây dựng và mở rộng trường học bảo đảm các tiêu chuẩn quy định.</i>	Sở Xây dựng	Các sở, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026
1.4	<i>Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Đề án, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để xây dựng mới; cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý đáp ứng yêu cầu dạy học. Quan tâm công tác quy hoạch sử dụng đất, bố trí đất tại vị trí phù hợp để xây dựng và mở rộng trường học; tham mưu bố trí trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt quan tâm các cơ sở giáo dục có diện tích khuôn viên chưa đáp ứng quy định, các cơ sở giáo dục còn thiếu phòng học, còn phòng học bán kiên cố, xuống cấp.</i>	UBND các xã, phường	Các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV/2026
2.1	<i>Thẩm định nhu cầu biên chế, tham mưu cấp có thẩm quyền giao số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm định mức quy định.</i>	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm
2.2	<i>Rà soát, đề xuất nhu cầu số lượng người làm việc tại các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý, đề xuất tuyển dụng đội ngũ bảo đảm định mức quy định.</i>	UBND các xã, phường	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm
3	Đề án xây dựng mô hình trường trung học cơ sở điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tư pháp; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026
4	Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026
5	Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026
6	Kế hoạch thực hiện “Chương trình tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến; giáo dục truyền thống gắn với di sản văn hóa địa phương cho học sinh, sinh viên” giai đoạn 2026-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa và Thể thao; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026
7	Chương trình phát triển thể chất, nâng cao sức khỏe, tăng cường thể lực, tầm vóc, phòng chống bệnh tật cho học sinh phổ thông tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030 tầm nhìn 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Y tế; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026
8	Đề án Chương trình sửa học đường giai đoạn 2026-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026
9	Đề án “Xây dựng, triển khai hệ thống Giáo dục thông minh” tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
10	Đề án về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thông qua các hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian trong trường học giai đoạn 2026-2030 (nghệ thuật hát diễn Xâm, ca trù, hát văn, chèo, dân ca...)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đảng ủy Sở Văn hóa và Thể thao; Đảng ủy các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026
11	Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026
12	Kế hoạch “Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026